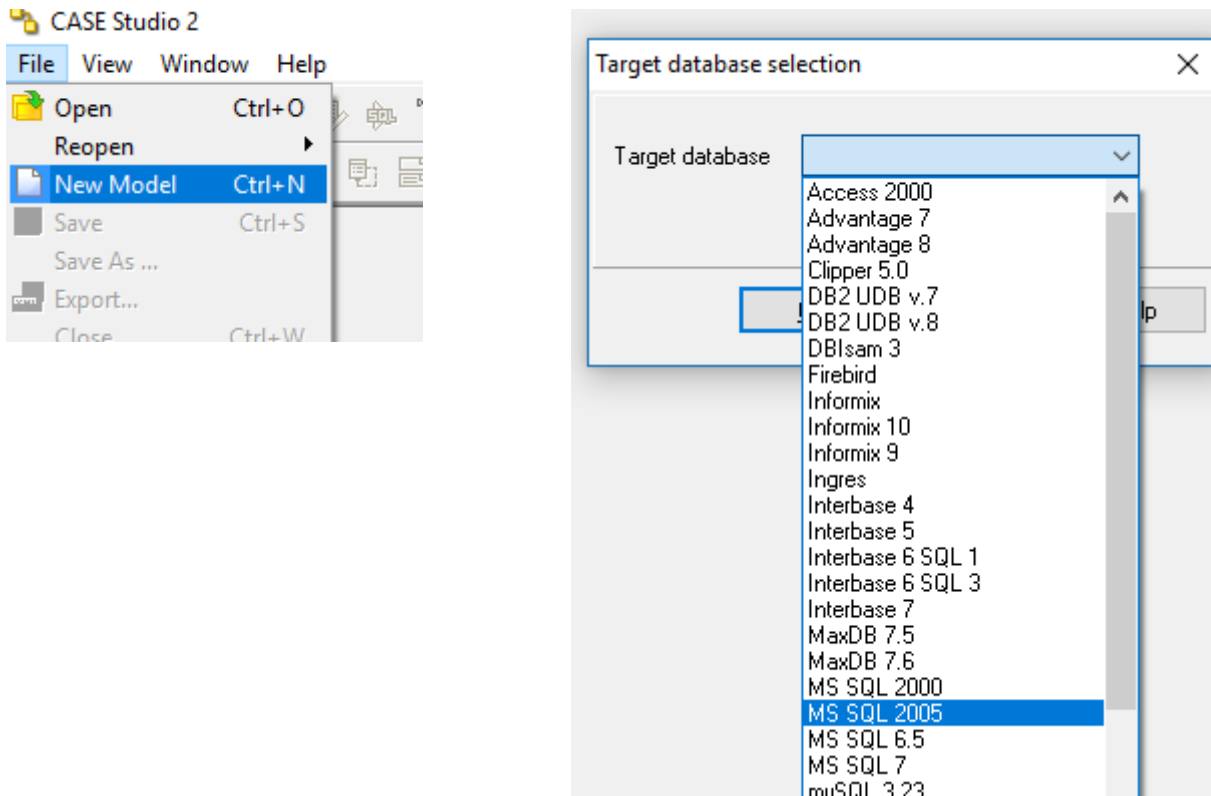


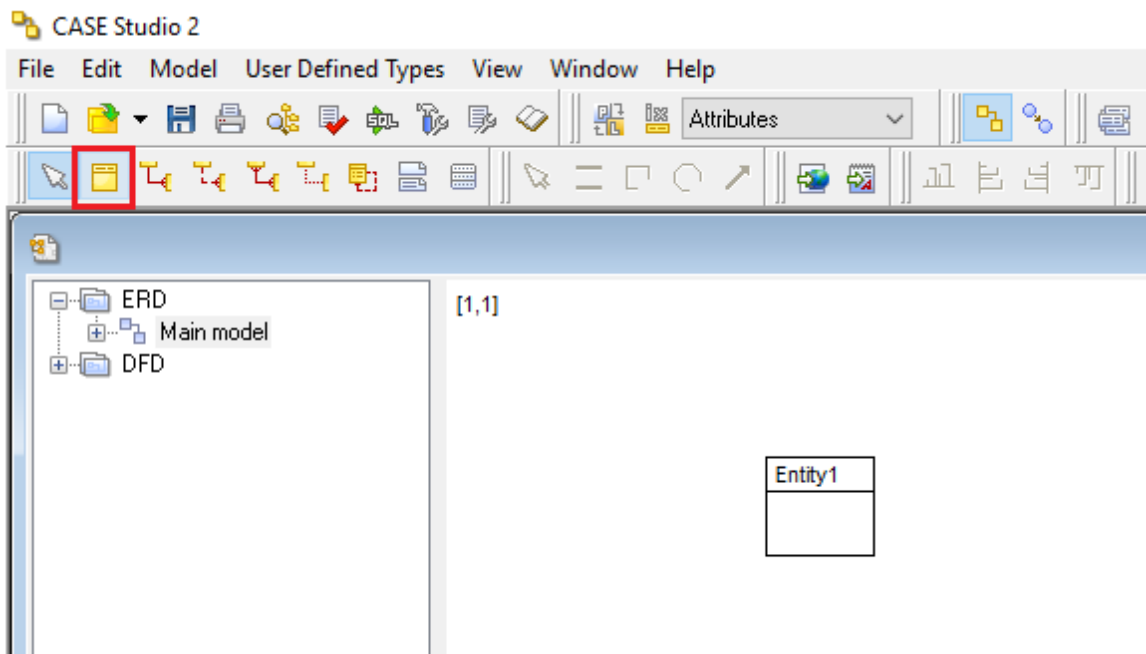
Thực hành 4: Sử dụng CASE studio 2 để vẽ mô hình ER

1. Chạy chương trình

- Tạo một mô hình mới và chọn hệ quản trị cơ sở dữ liệu



- Tạo một thực thể: Kích chuột vào biểu tượng hình thực thể sau đó kích lên vùng biểu đồ



- Nhập tên và các thuộc tính của thực thể: Kích vào nút Add để thêm các thuộc tính cho thực thể

Entity

Entity Name: **SINHVIEN** Table Name: **SINHVIEN**

| Key | Name | Column Name | Datatype | Not null | Unique | Description |
|-----|------|-------------|----------|----------|--------|-------------|
| 1 | | | | | | |

Add Edit Delete

Generate OK Cancel Help To-Do list

- Tạo thuộc tính**

Attribute

Attribute 2 Advanced Comments Notes

☒ Key ☒ Not null ☐ Unique

Attribute Name: **MaSV** Column Name: **MaSV**

Role Name:

Datatype: **Integer** Length: Decimal:

Default:

Default Constraint Name:

Check:

Check Constraint Name:

Unique Constraint Name:

☐ Imported

OK Ok+Add Cancel Help

Attribute

Attribute 2 Advanced Comments Notes

☐ Key ☒ Not null ☐ Unique

Attribute Name: **TenSV** Column Name: **TenSV**

Role Name:

Datatype: **NVarChar** Length: **30** Decimal:

Default:

Default Constraint Name:

Check:

Check Constraint Name:

Unique Constraint Name:

☐ Imported

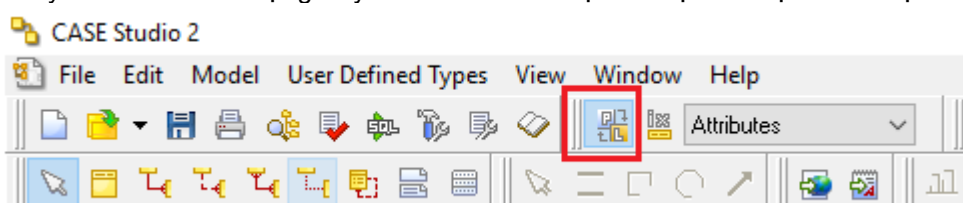
OK Ok+Add Cancel Help

- Vẽ 2 thực thể với các thuộc tính tương ứng:**

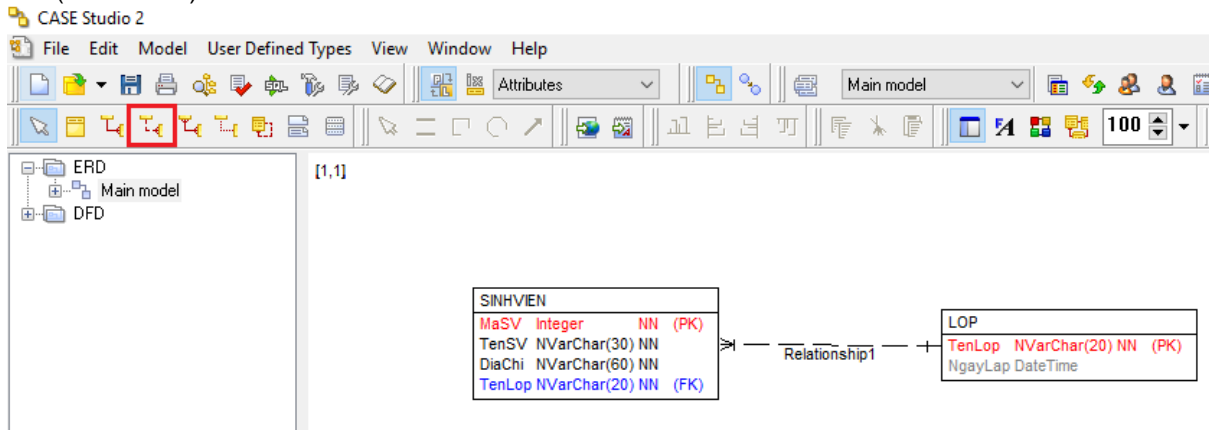
| |
|-------------------------------|
| SINHVIEN |
| MaSV Integer NN (PK) |
| TenSV NVarChar(30) NN |
| DiaChi NVarChar(60) NN |

| |
|------------------------------------|
| LOP |
| TenLop NVarChar(20) NN (PK) |
| NgayLap DateTime |

Chú ý: kích vào biểu tượng Physical View để tắt/bật chế độ hiển thị kiểu dữ liệu của các thuộc tính



- **Vẽ quan hệ giữa hai thực thể:** Kích vào quan hệ Non-Identifying Relationship để vẽ quan hệ 1-n. Kích chuột vào thực thể đầu 1 (LOP) giữ phím trái chuột và kéo thả vào thực thể đầu nhiều (SINHVIEN)



- **Thiết lập tên quan hệ và các ràng buộc bắt buộc (Mandatory) / tùy chọn (Option)**

Relationship

LOP

SINHVIEN

Comments Notes Generate DDL

Type Referential Integrity Advanced Keys

Name

Hoc

Linking method

Primary Key

Relationship Type

☐ Identifying ☐ Informative

☒ Non-Identifying

Partiality parent

☒ Mandatory ☐ Optional

Partiality child

☐ Mandatory ☒ Optional

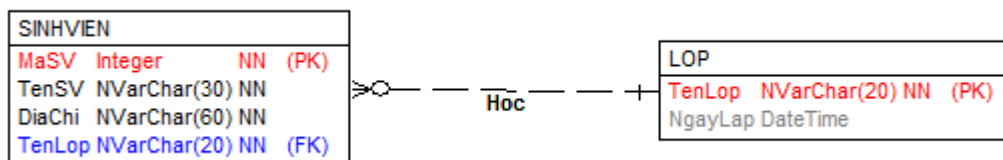
Cardinality

1 : 0 .. N

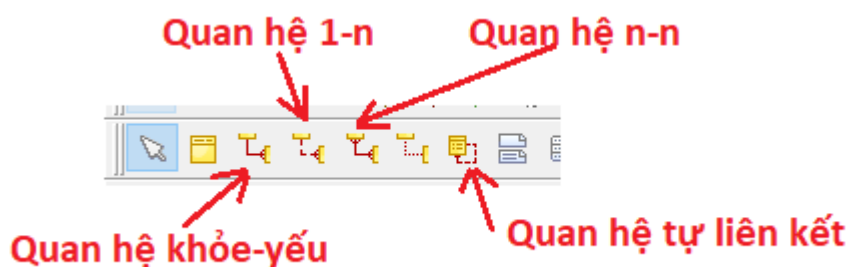
☒ Generate

OK Cancel Help To-Do list

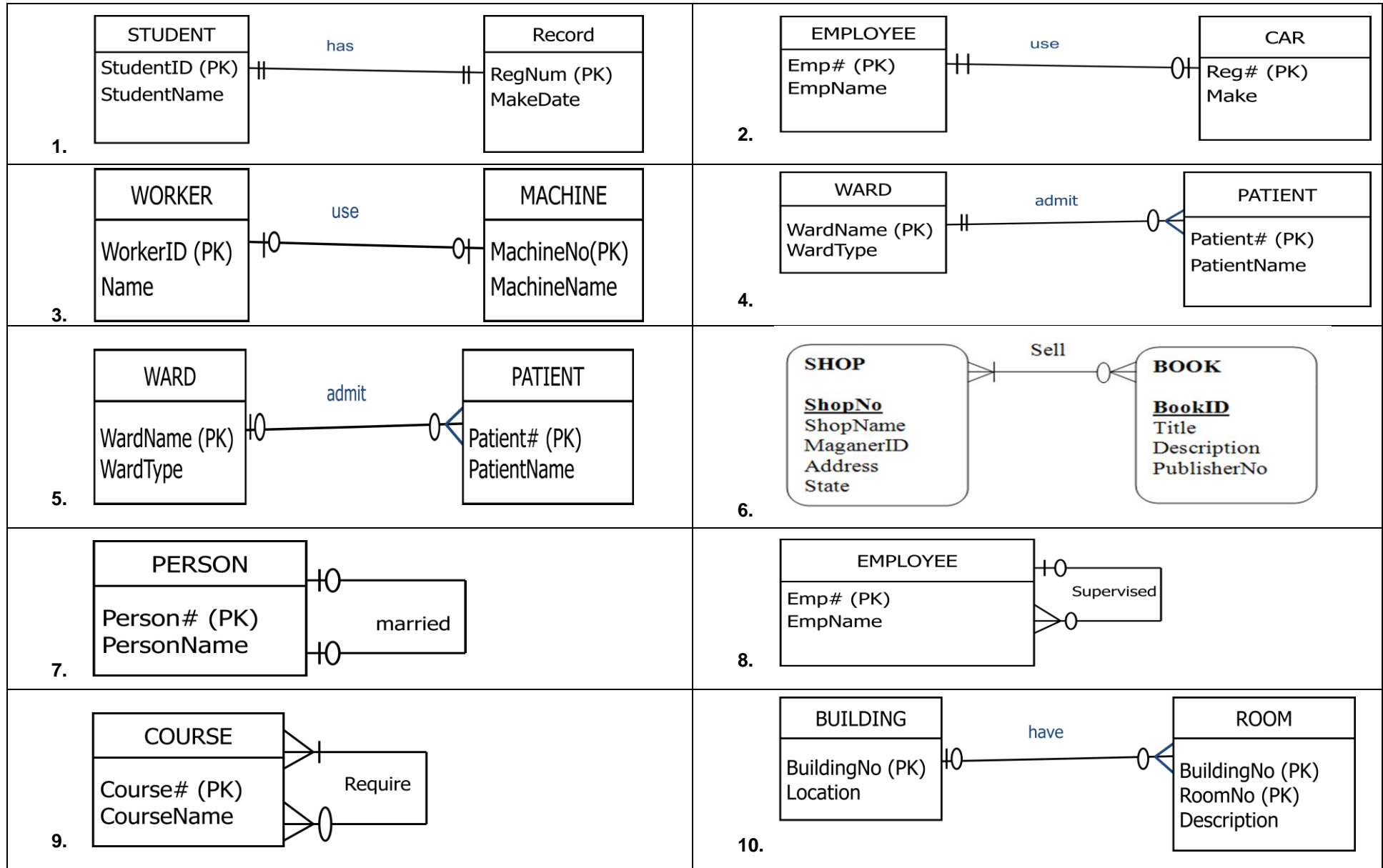
- **Biểu đồ thực thể liên kết**



- **Các biểu tượng để vẽ quan hệ**

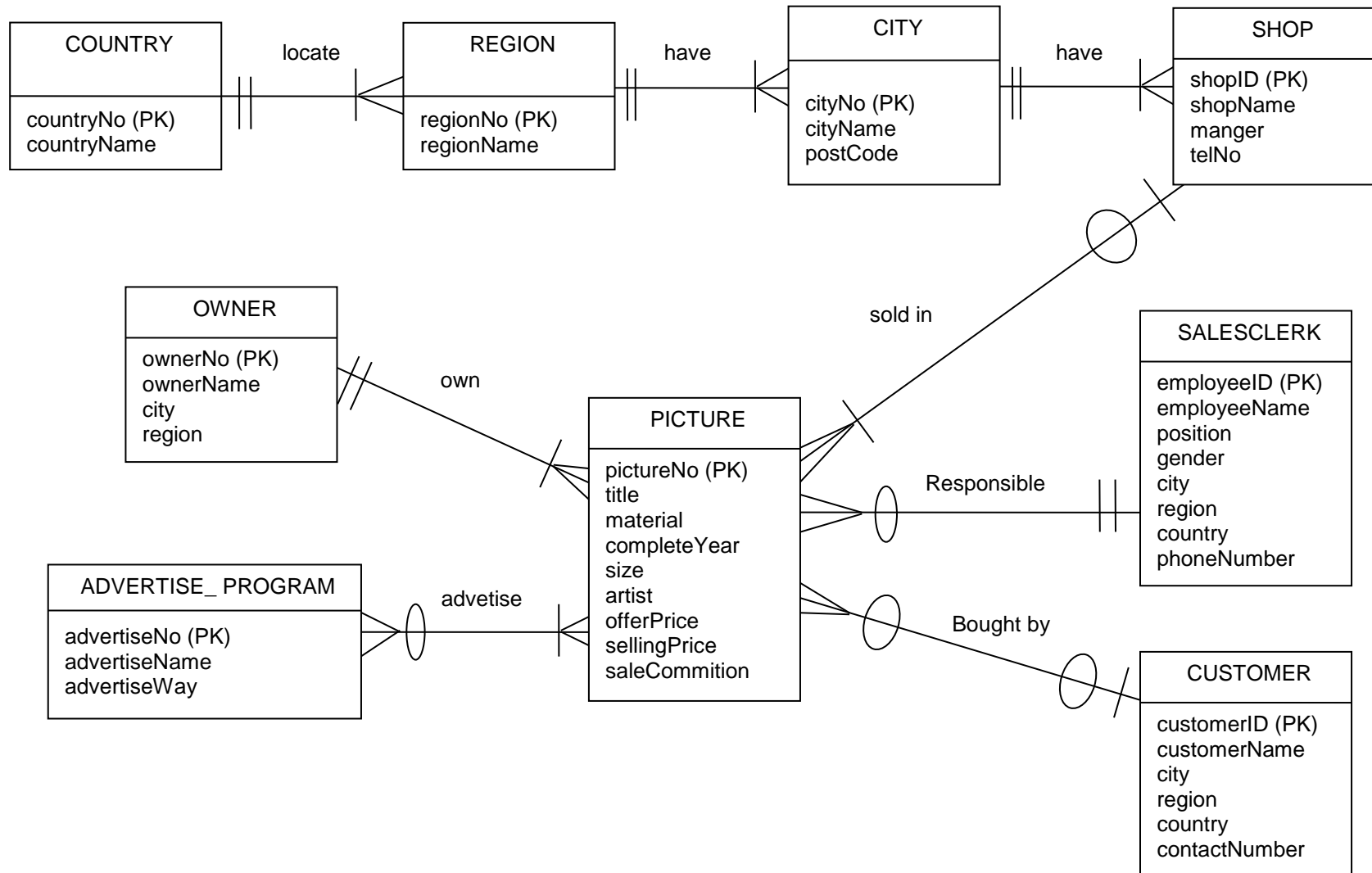


Bài 1. Vẽ các biểu đồ sau trên các trang khác nhau (nộp file .dm2)

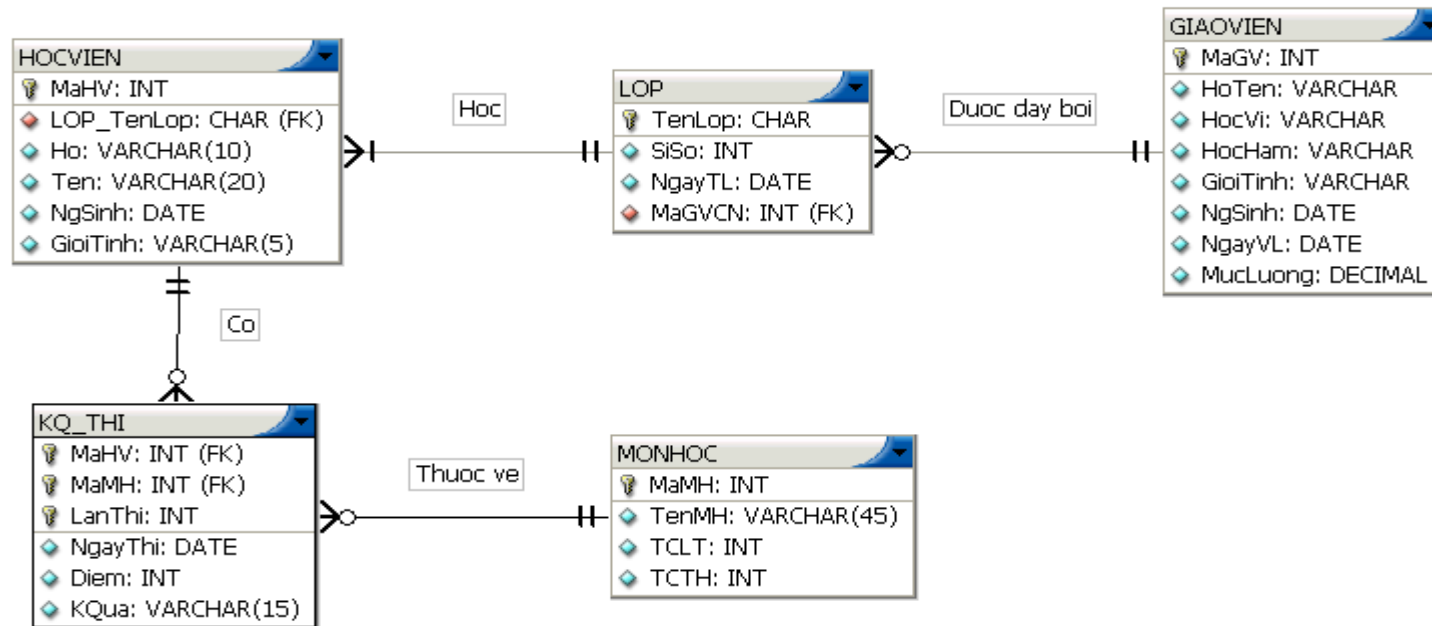


Bài 2. Vẽ các biểu đồ sau và cắt ra file word (nộp file word)

1.



2.



3.

